

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày 21/4/2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Luật;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Lương;
Ông Đặng Quang Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân An – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Ngô Hương Tr, sinh năm 1950; Địa chỉ: Khu phố N, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng H, địa chỉ: Khu phố N, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị - Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/02/2022), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Xuân T, bà Bùi Thị B; Địa chỉ: Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị, đều có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ: Thị trấn Ái T, huyện Tr, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, nhưng có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Xuân T, ông Trần Xuân L, ông Trần Xuân Nh;

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị, đều có mặt.

- Ông Trần Xuân L; địa chỉ: Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Xuân L: Ông Trần Xuân T; Địa chỉ: Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị - Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/4/2022), có mặt.

4. Người làm chứng:

- Bà Văn Thị T, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn N, xã Tr, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bà Trương Thị Tr, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Bùi Huy Kh, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Ông Trần Hữu Ngh, sinh năm 1952; Địa chỉ: Khu phố N, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.
- Ông Trần Khánh X; Địa chỉ: Khu phố N, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Ông Trần Khánh Kh, sinh năm 1951; Địa chỉ: Khu phố N, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Ông Hoàng Minh S, sinh năm 1943; Địa chỉ: Thôn Thanh H, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Bà Trần Thị H, sinh năm 1942; Địa chỉ: Khu phố N, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Bà Trần Thị D; Địa chỉ: Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Bà Lê Thị L; Địa chỉ: Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Ông Ngô Thanh Ph, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu phố N, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn G, huyện Gio L, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Ông Trần Minh H; Địa chỉ: Đường Th, khu phố N, phường Đ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
- Bà Hoàng Thị Ph, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1956; Địa chỉ: Khu phố N, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2021; tại các phiên hòa giải ngày 20/01/2022, ngày 17/3/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Ngô Hương Tr trình bày:

Ông Ngô Hương Tr sinh ra và lớn lên tại Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị. Gia đình ông có thửa đất thổ cư do tổ tiên, ông bà khai hoang lập địa khoảng năm 1850 và đã lập nghiệp qua 08 đời con cháu sinh hạ trên mảnh đất này. Bố mẹ ông là ông Ngô Văn L, sinh năm 1904 (đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1908 (đã chết) sinh sống trên thửa đất này và đã sinh hạ 08 người con. Anh chị em ông Tr nay đã qua đời hết, chỉ còn lại mình ông Tr sinh sống tại đây, đến năm 1968 ông Tr tham gia cách mạng.

Thửa đất đang tranh chấp có vị trí như sau:

+ Phía Nam giáp đường hẻm, tiếp giáp vườn ông Bùi Khuyến dài 77,53m;

- + Phía Bắc giáp đường hẻm, tiếp giáp vườn bà Trọng dài 70,79m;
- + Phía Đông giáp đường dân sinh, tiếp giáp vườn nhà ông Hoàng K dài 39,4m.
- + Phía Tây giáp đường nhựa quốc phòng dài 46,61m.

Tổng diện tích thửa đất là 3.224 m² (*Ông Tr biết được cụ thể diện tích đất là dựa trên GCNQSD đất do Nhà nước cấp cho hộ ông T*).

Trong quá trình chiến tranh gia đình ông Tr đi sơ tán ra Bắc, đến năm 1975 khi đất nước thống nhất, thì bố ông Tr và 03 cháu nhỏ con của ông Ngô Văn Th, bà Bùi Thị M (vợ chồng ông Th chết sớm trong chiến tranh) trở về quê hương thì nhà cửa bị tàn phá, nên đã làm lại nhà ở đơn sơ trên nền nhà cũ của thửa đất do tổ tiên để lại. Do bố ông thường xuyên đau ốm, không có ai chăm sóc và các cháu (*con của ông Thành-anh trai ông Tr*) còn nhỏ dại, nên năm 1977 bố ông Tr và các cháu lên ở với chị gái là bà Ngô Thị Ph (chết năm 2006) tại thị xã Quảng Trị. Hàng năm, bố ông Tr thường xuyên về làm vườn trồng cây cối và hoa màu trên mảnh vườn này.

Cuối năm 1977, vợ chồng ông Trần Xuân T (*ông T, bà Bôn*) lập gia đình không có chỗ ở nên xin làm nhà ở tạm trên mảnh đất của bố mẹ ông Tr. Bố ông Tr thương tình dưỡng cháu nên đồng ý cho vợ chồng ông T mượn đất làm nhà ở tạm trên nền nhà cũ của ông bà, hai bên không viết giấy tờ mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Trước khi bố ông Tr qua đời, ông L đã dặn dò con cái nhớ về quê làm nhà thờ tự dòng họ Ngô duy nhất tại xã Triệu Vân trên mảnh đất của ông bà, tổ tiên để lại mà bố ông cho vợ chồng ông T (là con cô cậu ruột với ông Tr) làm nhà ở tạm để giữ đất viên cư nói trên.

Bố mẹ ông Tr qua đời (năm 1994) không để lại di chúc cho ai cả, trong quá trình làm nhà ở tạm thời, ông T tự ý kê khai gian dối nguồn gốc đất để làm thủ tục cấp GCNQSD đất mà không có ý kiến của gia đình ông Tr. Sau đó ông T được cấp GCNQSD đất tại thửa số 42, tờ bản đồ số 15, sau đó được cấp đổi GCNQSD đất tại thửa số 360, tờ bản đồ số 13 với diện tích 3.224 m² (trong đó 200 m² đất ở và 2.024 m² đất vườn) do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 18/8/2000.

Năm 2013, vợ chồng ông T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với cháu Trần Xuân T với diện tích 768 m² đất làm nhà ở phía Bắc tiếp giáp đường hẻm (tiếp là vườn bà Tr). Đến nay, cháu Trần Xuân L và cháu Trần Xuân Nh (con của ông T) làm thêm hai cái nhà nữa sát nhà cháu Tiến. Các cháu làm nhà ở kiên cố, nên ông Tr cũng đồng ý tặng cho vợ chồng ông T và các con của ông T bên phần đất mà các cháu đã làm nhà ở ổn định có diện tích đất là 1.724 m² (còn lại 1500m²).

Những năm trước đây, giữa ông và vợ chồng ông T có bàn bạc thống nhất là bàn giao lại cho ông Tr một phần diện tích đất để làm nhà thờ họ Ngô, nhưng nay vợ chồng ông T không đồng ý trả lại đất nên phát sinh tranh chấp.

Ông Ngô Hương Tr không có bất cứ một loại giấy tờ gì liên quan đến thửa đất mà ông cho rằng do bố mẹ tổ tiên ông để lại, nhưng ông cho rằng có nhiều người làm chứng việc này cho gia đình ông.

Ông Tr trình bày, khi giải phóng trở về, gia đình ông Tr được nhà nước cấp GCNQSD đất với diện tích 507 m² tại khu phố 3, phường 2, thị xã Quảng Trị. Hiện

ông đang làm nhà ở và định cư trên mảnh đất này.

Vì các lý do trên, ông Tr làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Xuân T, bà Bùi Thị B trả lại một phần diện tích đất là 1.500 m² (*sau khi trừ đi phần đất mà các con ông T đã làm nhà ở là 1.724m²*) có vị trí tứ cạnh như sau:

- Phía Nam giáp đường hẻm, tiếp là vườn ông Bùi Kh dài 77,5m;
- Phía Tây giáp đường nhựa quốc phòng dài 20m;
- Phía Bắc giáp nhà ông Trần Xuân L dài 70,8m;
- Phía Đông giáp đường dân sinh dài 20,5m.

Trên thửa đất đang tranh chấp còn tồn tại 01 ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng ông T đang ở, nên yêu cầu ông T, bà B tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà và các công trình phụ trên đất để trả lại một phần thửa đất nói trên cho ông Ngô Hương Tr.

Ông Tr yêu cầu Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp cho hộ ông Trần Xuân T ngày 18/8/2000; thửa số 42, tờ bản đồ số 15, tại Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, với diện tích 3.224m².

Tại bản trình bày ý kiến ngày 21/12/2022; tại các phiên hòa giải ngày 20/01/2022, ngày 17/3/2022 và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Xuân T, bà Bùi Thị B trình bày:

Năm 1977 thửa đất này là đất hoang hóa, cỏ mọc um tùm, trên đất có nhiều bom mìn các loại, nên ông T khai hoang để trồng hoa màu, sản xuất trên đất, đến năm 1978 thì gia đình ông T làm nhà ở ổn định và làm ăn, sinh sống cho đến nay.

Thửa đất gia đình tôi đang ở ổn định trên 45 năm, được thể hiện tại sổ mục kê năm 1996 của xã Triệu Vân và tờ Bản đồ địa chính năm 1996, sau đó được nhà nước cấp GCNQSD đất năm 2000, làm thủ tục chuyển đổi từ sổ đỏ chuyển sang sổ hồng năm 2018, quá trình sinh sống và làm nhà ở, làm thủ tục đăng ký, kê khai đều không xảy ra tranh chấp với ai.

Nay khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị hình thành, đất đai có giá trị cao nên ông Tr về lại quê, làm đơn khởi kiện gia đình Tặng để đòi lại đất là không có căn cứ. Ông T không mượn đất của ai cả, toàn bộ đất là do gia đình ông T thực hiện chính sách của Nhà nước sau khi giải phóng đã khai hoang, phục hóa, sản xuất và ổn định đời sống của người dân. Ông Tr khởi kiện nhưng không có một căn cứ gì, chỉ nhờ những người bà con, họ hàng bên phía ông Tr đứng ra làm chứng thiếu căn cứ.

Vì vậy, ông Trần Xuân T, bà Bùi Thị B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại văn bản ngày 15/02/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Tr trình bày:

Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Căn cứ vào hồ sơ địa chính đã được kiểm tra, nghiệm thu (gồm bản đồ

địa chính và sổ mục kê đất đai năm 1996). Ngày 21/6/2000 ông Trần Xuân T có đơn xin đăng ký và cấp GCNQSD đất bao gồm 06 thửa đất với diện tích 8.679 m², trong đó có thửa đất số 42, tờ bản đồ số 15 diện tích 3.070 m². UBND xã Triệu Vân đã tiến hành họp xét và niêm yết công khai hồ sơ đăng ký và cấp GCNQSD đất. Sau khi kết thúc niêm yết công khai và giải quyết các kiến nghị của người dân, UBND xã Triệu Vân đã có tờ trình gửi UBND huyện Triệu Phong đề nghị cấp GCNQSD đất cho 236 hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện ở thôn 7, 8, 9 xã Triệu Vân, trong đó có hộ ông Trần Xuân T.

Ngày 18/8/2000, UBND huyện Triệu Phong cấp GCNQSD đất (số vào sổ 000374 QSDĐ/306 – QĐ/UB) cho hộ ông Trần Xuân T bao gồm 06 thửa đất với diện tích 8.679 m², trong đó có thửa đất số 42, tờ bản đồ số 15 (hệ tọa độ HN72) với diện tích 3.070 m².

Như vậy, việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông Trần Xuân T đúng theo quy định của Luật đất đai năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật đất đai năm 1998; Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Vì vậy, UBND huyện Triệu Ph đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân T, ông Trần Xuân L, ông Trần Xuân L, ông Trần Xuân Nh (các con của ông Trần Xuân T) đều thống nhất như phần trình bày của bị đơn ông Trần Xuân T, bà Bùi Thị B.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Hương Tr, do mảnh đất này gia đình đã khai hoang, sử dụng trên 45 năm, không có tranh chấp, đã vào sổ mục kê và bản đồ địa chính và được Nhà nước cấp GCNQSD đất đúng theo quy định của pháp luật

Những người làm chứng trình bày ý kiến:

- Ông Trần Hữu Ngh trình bày: Ông sống tại thôn 8, xã Triệu Vân từ nhỏ đến lúc trưởng thành biết được nguồn gốc đất của ông Ngô Văn Lâu (bố ông Tr) chứ không phải đất của ông Trần Xuân T, ông T chỉ mượn tạm để làm nhà ở và sản xuất mà thôi.

- Ông Trần Khánh X trình bày: Thửa đất ông Trần Xuân T đang ở chính là đất trước đây của ông Ngô Văn Lâu và bà Trần Thị Sắt (bố mẹ ông Tr).

- Bà Trần Thị D trình bày: Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ ông Tr ở và sinh sống lâu đời, hiện tại ông Trần Xuân T đang ở là đất của bố mẹ ông Tr.

- Bà Lê Thị L trình bày: Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Ngô Văn Lâu và bà Trần Thị Sắt do tổ tiên để lại.

- Ông Ngô Thanh Ph trình bày: Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ ông Ngô Hương Tr đã ở và sinh sống từ lâu đời, hiện nay ông Trần Xuân T đang ở trên mảnh đất của bố mẹ ông Tr.

- Bà Trần Thị Ph trình bày: Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ ông Tr ở và sinh sống lâu đời, hiện tại ông Trần Xuân T đang ở là đất của bố mẹ ông Tr.

- Bà Hoàng Thị Ph trình bày: Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ ông Tr ở và sinh sống lâu đời, hiện tại ông Trần Xuân T đang ở là đất của bố mẹ ông Tr.

- Bà Hoàng Thị D trình bày: Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ ông Tr ở và sinh sống lâu đời, hiện tại gia đình ông Trần Xuân T đang ở là đất của bố mẹ ông Tr.

- Bà Văn Thị T trình bày: Năm 1977 ông T khai hoang thửa đất đang tranh chấp hiện nay để trồng khoai, sắn, đến năm 1978 gia đình ông T làm nhà ở ổn định từ đó cho đến nay, không thấy có tranh chấp gì cả.

- Ông Bùi Huy Kh trình bày: Thửa đất hiện đang tranh chấp do vợ chồng ông T khai hoang năm 1977, đến năm 1978 gia đình ông T làm nhà ở từ đó cho đến nay, không thấy có tranh chấp gì cả.

- Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Năm 1980 bà Đinh đã thấy gia đình ông Trần Xuân T ở tại thửa đất hiện đang tranh chấp, còn nguồn gốc trước đây bà không rõ.

- Bà Trương Thị Tr trình bày: Thửa đất hiện đang tranh chấp do vợ chồng ông T khai hoang năm 1977, đến năm 1978 gia đình ông T làm nhà ở từ đó cho đến nay.

- Ông Trần Khánh Kh trình bày: Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ ông Tr ở và sinh sống lâu đời, hiện tại ông Trần Xuân T đang ở là đất của bố mẹ ông Tr.

- Ông Hoàng Minh S trình bày: Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Ngô Văn Lâu và bà Trần Thị Sắt để lại.

- Bà Trần Thị H trình bày: Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ ông Ngô Hương Tr đã ở và sinh sống từ lâu đời, hiện nay ông Trần Xuân T đang ở trên mảnh đất của bố mẹ ông Tr.

- Ông Trần Minh H trình bày: Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Ngô Văn Lâu và bà Trần Thị Sắt để lại.

Ngày 03/3/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất đang tranh chấp theo yêu cầu của ông Ngô Hương Tr. Kết quả như sau:

Diện tích đất hộ ông Trần Xuân T đang sử dụng có phần diện tích đất đang tranh chấp với ông Ngô Hương Tr được xác định vị trí:

+ Phía Đông Bắc giáp đường khu vực có chiều dài hai đoạn 22,21m và 17,19m;

+ Phía Đông Nam giáp đường khu vực có chiều dài các đoạn 52,18m; 3,11m; 9,29m và 8,41m;

+ Phía Tây Nam giáp đường ĐH 42 có chiều dài các đoạn 10,36m và 36,25m;

+ Phía Tây Bắc giáp đất ông Trần Xuân T có chiều dài các đoạn 60,49m và 10,30m (ông Tr cho rằng: nhà ông Tiến cũng được xây dựng trên thửa đất mà bố mẹ ông Tr để lại).

Phần tài sản trên diện tích đất đang tranh chấp gồm có: 01 ngôi nhà của ông Trần Xuân T, bà Bùi Thị B; 01 ngôi nhà của ông Trần Xuân T (trên diện tích đất 10m x 70,79m), 01 ngôi nhà của ông Trần Xuân L (trên diện tích 10m x 70,79m) và 01 ngôi nhà của ông Trần Xuân Nh (diện tích đất 10m x 70,79m); diện tích đất còn lại nằm trong khuôn viên nhà ông T, bà Bôn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng. Đã tiến hành thu thập, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thủ tục hòa giải, xem xét thẩm định tại chỗ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều thực hiện đúng quy định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS; trình tự, thủ tục phiên tòa đảm bảo; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 37 của BLTTDS năm 2015; Khoản 2 Điều 2, khoản 3 Điều 26 Luật đất đai năm 1993; Điều 6 Nghị định số 64/NĐ ngày 27/9/1993 của Chính phủ, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hương Tr.

Về án phí: Tại phiên tòa, ông Tr trình bày là do tuổi già sức yếu nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí cho ông Ngô Hương Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Triệu Ph có văn bản xin xét xử vắng mặt. Người làm chứng bà Trương Thị Tr, ông Trần Khánh Kh, ông Hoàng Minh S, bà Trần Thị H và ông Trần Minh H đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và những người làm chứng đã có lời trình bày có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền xét xử vụ án: Nguyên đơn ông Ngô Hương Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Trần Xuân T, bà Bùi Thị B trả lại một phần diện tích đất là 1.500 m² và yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ vào sổ 000374, QSDĐ/306 – QĐ/UB) do Ủy ban nhân dân

huyện Triệu Phong cấp cho hộ ông Trần Xuân T ngày 18/8/2000; thửa số 42, tờ bản đồ số 15, tại Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và xác định đây là vụ án dân sự về “*tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

[3] Về nội dung khởi kiện của ông Ngô Hương Tr về việc buộc ông Trần Xuân T, bà Bùi Thị B trả lại một phần diện tích đất là 1.500 m² và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000374, QSDĐ/306 – QĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp cho hộ ông Trần Xuân T ngày 18/8/2000; tại thửa số 42, tờ bản đồ số 15, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1] Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp:

Diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc: Năm 1977 thửa đất này là đất hoang hóa, trên đất có nhiều bom mìn các loại sau chiến tranh, gia đình ông Trần Xuân T tiến hành khai hoang để trồng cây và hoa màu, đến năm 1978 thì gia đình ông T làm nhà ở và sinh sống ổn định cho đến nay.

Tại sổ mục kê năm 1996 và tờ bản đồ địa chính năm 1996 của UBND xã Triệu Vân đều thể hiện người sử dụng đất là hộ ông Trần Xuân T tại thửa số 42, tờ bản đồ số 15 với diện tích 3.071 m². Đến ngày 18/8/2000 thì được Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000374, QSDĐ/306 – QĐ/UB cấp cho hộ ông Trần Xuân T với diện tích 3.071 m²; Địa chỉ thửa đất tại Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị.

Việc nguyên đơn ông Ngô Hương Tr và những người làm chứng cho nguyên đơn (ông Ngh, ông X, ông Kh, bà D, bà L, bà Ph, bà Ph, bà D, ông H và ông Ph) đều cho rằng thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc do ông bà, tổ tiên, bố mẹ của ông Tr là ông Ngô Văn L, bà Trần Thị S để lại. Đến năm 1977, thì vợ chồng ông Trần Xuân T lập gia đình không có chỗ ở, nên xin bố mẹ ông Tr mượn đất làm nhà ở tạm trên nền nhà cũ của ông bà và bố mẹ ông đồng ý cho mượn đất.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Ngô Hương Tr không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc gia đình ông Tr đã được cơ quan có thẩm quyền giao đất. Mặt khác, việc ông Tr cho rằng bố mẹ ông cho ông Trần Xuân T mượn đất để làm nhà ở, nhưng chỉ trình bày bằng miệng, không có văn bản, chứng cứ nào.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai 2013 thì “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai...*”.

Diện tích đất đang tranh chấp đã được gia đình ông Trần Xuân T, bà Bùi Thị B sử dụng liên tục, ổn định từ năm 1977 cho đến nay được thể hiện trong sổ mục kê và sổ địa chính năm 1996. Những người làm chứng cho phía bị đơn (bà Văn Thị T, bà Trương Thị Tr, ông Bùi Huy Kh và bà Nguyễn Thị Đ) đều cho rằng hộ ông T, bà B sử dụng, canh tác trên diện tích đất tranh chấp từ năm 1977 đến nay và trong quá trình sinh sống, sử dụng đất không thấy gia đình ông Ngô Hương Tr đến đòi lại đất, không có tranh chấp với ai.

Vì vậy, việc ông Ngô Hương Tr khởi kiện yêu cầu buộc hộ ông Trần Xuân T,

bà Bùi Thị B trả lại một phần diện tích đất là 1.500 m² là không có cơ sở.

[3.2] Về việc UBND huyện Triệu Ph cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000374 QSDĐ/306 – QĐ/UB cho hộ ông Trần Xuân T bao gồm 06 thửa đất với diện tích 8.679 m², trong đó có thửa đất số 42, tờ bản đồ số 15 (hệ tọa độ HN72) với diện tích 3.070 m², Hội đồng xét xử thấy:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện thì UBND huyện Triệu Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Xuân T đúng quy định tại Điều 36 Luật đất đai năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật đất đai năm 1998; Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và đúng theo Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính, hướng dẫn thủ tục đăng ký lập hồ sơ địa chính và GCNQSD đất. Nên yêu cầu của ông Tr về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số vào sổ 000374, QSDĐ/306 – QĐ/UB) do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp cho hộ ông Trần Xuân T ngày 18/8/2000; thửa số 42, tờ bản đồ số 15, tại Thôn M, xã Triệu V, huyện Triệu Ph là không có căn cứ.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Hương Tr về việc buộc ông Trần Xuân T, bà Bùi Thị B trả lại diện tích đất 1.500 m² và yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số vào sổ 000374, QSDĐ/306 – QĐ/UB) do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp cho hộ ông Trần Xuân T ngày 18/8/2000; thửa số 42, tờ bản đồ số 15.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS, ông Ngô Hương Tr phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do yêu cầu khởi kiện của ông Tr không được chấp nhận. Ông Tr đã nộp đủ.

[5] Về án phí: Tại phiên tòa, ông Ngô Hương Tr đề nghị được miễn án phí DSST, nên HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí cho ông Ngô Hương Tr.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 157 của BLTTDS;

Căn cứ khoản 2 Điều 2, khoản 3 Điều 26 Luật đất đai năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật đất đai năm 1998; Điều 26 Luật đất đai 2013; Điều 6 Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính, hướng dẫn thủ tục đăng ký lập hồ sơ địa chính và GCNQSD đất;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Hương Tr về việc buộc ông Trần Xuân T, bà Bùi Thị B trả lại diện tích 1.500 m² đất và yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số vào sổ 000374, QSDĐ/306 – QĐ/UB) do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp cho hộ ông Trần Xuân T ngày 18/8/2000; thửa số 42, tờ bản đồ số 15.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Ngô Hương Tr phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do yêu cầu khởi kiện của ông Tr không được chấp nhận. Ông Tr đã nộp đủ.

3. Về án phí: Ông Ngô Hương Tr không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Tr số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000027 ngày 19/11/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Chi Cục THADS h. Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Luật

